

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày **06** tháng **5** năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2019/TLST-KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp về hợp đồng hợp tác kinh doanh”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty A.

Địa chỉ: Số C, phường T, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H ; Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn N , sinh năm 1957.

2. Ông Nguyễn Bình P , sinh năm 1976.

3. Ông Vũ Quang H , sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Số C, phường T, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

Theo giấy ủy quyền ngày 27/9/2019.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn K và Luật sư Nguyễn Thị Thúy H. Văn Phòng Luật sư Nguyễn Văn H và Cộng sự.

Địa chỉ: Số S, phường X, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty B.

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Mai C ; Chức danh: Giám đốc.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện Công ty A yêu cầu Công ty B phải trả cho Công ty A số tiền:

- Tổng nợ gốc theo Hợp đồng: **12.650.325.000 đồng** (*Mười hai tỷ, Sáu trăm năm mươi triệu, Ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*);

- Tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 06/5/2020: **1.701.728.651 đồng** (*Một tỷ, Bảy trăm lẻ một triệu, Bảy trăm hai mươi tám nghìn, Sáu trăm năm mươi một đồng*).

Tổng cộng: 14.352.053.651 đồng (*Mười bốn tỷ, Ba trăm năm mươi hai triệu, Không trăm năm mươi ba nghìn, Sáu trăm năm mươi một đồng*).

Công ty B do bà Võ Thị Mai C đại diện theo pháp luật tự nguyện, đồng ý trả cho Công ty A số tiền gốc là **12.650.325.000 đồng** (*Mười hai tỷ, Sáu trăm năm mươi triệu, Ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) và Tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 06/5/2020 là **1.701.728.651 đồng** (*Một tỷ, Bảy trăm lẻ một triệu, Bảy trăm hai mươi tám nghìn, Sáu trăm năm mươi một đồng*). Tổng cộng gốc và lãi là **14.352.053.651 đồng** (*Mười bốn tỷ, Ba trăm năm mươi hai triệu, Không trăm năm mươi ba nghìn, Sáu trăm năm mươi một đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khi Công ty B trả hết số tiền nợ trên, nguyên đơn đồng ý trả lại 33 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà nguyên đơn đang giữ cho Công ty B, cụ thể:

- 1- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 703507 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04/3/2009 đứng tên Công ty B;
- 2- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 703508 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04/3/2009 đứng tên Công ty B;
- 3- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 703509 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04/3/2009 đứng tên Công ty B;
- 4- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 703510 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04/3/2009 đứng tên Công ty B;
- 5- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 703511 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04/3/2009 đứng tên Công ty B;
- 6- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 565667 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 31/3/2007 đứng tên Công ty B;
- 7- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 565668 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 31/3/2008 đứng tên Công ty B;
- 8- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 565669 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 31/3/2008 đứng tên Công ty B;
- 9- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 565670 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 31/3/2008 đứng tên Công ty B;
- 10- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 565671 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 31/3/2008 đứng tên Công ty B;
- 11- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 565672 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 31/3/2008 đứng tên Công ty B;
- 12- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 565673 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 31/3/2008 đứng tên Công ty B;
- 13- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 565674 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 31/3/2008 đứng tên Công ty B;
- 14- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 565675 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 31/3/2008 đứng tên Công ty B;

15- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B;

16- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B (Bản sao);

17- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B;

18- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B;

19- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690011 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B;

20- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690012 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B;

21- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690013 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B;

22- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690015 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B;

23- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690016 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B;

24- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690017 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B;

25- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690018 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B;

26- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690019 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B;

27- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690020 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B;

28- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690021 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B;

29- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690022 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B;

30- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690023 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B;

31- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690024 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B;

32- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690025 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B;

33- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 690027 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/4/2006 đứng tên Công ty B.

- Về án phí: Công ty A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại đã nộp là 60.325.000 đồng (Sáu mươi triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0028809 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Công ty B do bà Võ Thị Mai C đại diện theo pháp luật tự nguyện thỏa thuận chịu **61.176.000** đồng (Sáu mươi một triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
-Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tâm

